

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Cơ quan chủ quản:
Trường Đại học Kinh Bắc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày xuất báo cáo: 10/03/2022 12:24
Ngày xác nhận báo cáo: 16/05/2020

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2019

Lưu ý: Chỉ tiêu viết tắt "CT"; Thực hiện chỉ tiêu viết tắt "TH"

STT	Trình độ đào tạo/ ngành đào tạo	Khối ngành đào tạo														Tổng cộng		Tỷ lệ %
		Khối ngành I		Khối ngành II		Khối ngành III		Khối ngành IV		Khối ngành V		Khối ngành VI		Khối ngành VII		CT	TH	
		CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	
1	Sau đại học																	
1.1	Tiến sĩ																	
1.2	Thạc sĩ	0	0	0	0	90	20	0	0	0	0	0	0	0	0	90	20	
1.2.1	Quản lý kinh tế					90	20									90	20	22
2	Đại học																	
2.1	Đại học chính quy																	
2.1.1	Chính quy	0	0	100	0	400	233	0	0	400	140	0	0	300	205	1200	578	48
2.1.1	Quản trị kinh doanh					100	100									100	100	100
2.1.1	Tài chính - Ngân hàng					50	0									50	0	0
2.1.1	Kế toán					200	110									200	110	55
2.1.1	Thiết kế đồ họa			50	0											50	0	0
2.1.1	Thiết kế thời trang			50	0											50	0	0
2.1.1	Công nghệ thông tin							200	120							200	120	60
2.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông							100	20							100	20	20
2.1.1	Kiến trúc							30	0							30	0	0
2.1.1	Quản lý xây dựng							30	0							30	0	0
2.1.1	Ngôn ngữ Anh													100	35	100	35	35
2.1.1	Quản lý nhà nước													50	20	50	20	40
2.1.1	Luật kinh tế					50	23									50	23	46
2.1.1	Thiết kế nội thất							40	0							40	0	0
2.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành													150	150	150	150	100
2.1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học	0	0	0	0	30	26	0	0	40	24	0	0	0	0	70	50	71
2.1.2	Kế toán					30	26									30	26	87
2.1.2	Công nghệ thông tin							40	24							40	24	60
2.1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học	0	0	0	0	90	47	0	0	40	10	0	0	0	0	130	57	44
2.1.3	Quản trị kinh doanh					30	25									30	25	83
2.1.3	Kế toán					30	13									30	13	43
2.1.3	Công nghệ thông tin							40	10							40	10	25
2.1.3	Luật kinh tế					30	9									30	9	30
2.1.4	Đào tạo chính quy đại học với người đi làm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Đại học vừa làm vừa học																	
2.2.1	Vừa làm vừa học	0	0	0	0	60	47	0	0	30	13	0	0	30	12	120	72	
2.2.1	Quản trị kinh doanh					30	27									30	27	90
2.2.1	Kế toán					30	20									30	20	67
2.2.1	Công nghệ thông tin							30	13							30	13	43
2.2.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa													30	12	30	12	40
2.2.2	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa																	
2.2.3	Đào tạo chính quy đại học với người đi làm																	
2.2.4	Đào tạo chính quy đại học với người đi làm																	

2.3	Từ xa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3.1	Kế toán					0	0								0	0	0
2.3.2	Luật kinh tế					0	0								0	0	0
3	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non																
3.1	Cao đẳng chính quy																
3.1.1	Chính quy																
3.1.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng																
3.1.3	Đào tạo chính quy ưu tiên người ưu tú																
3.2	Cao đẳng vừa làm vừa học																
3.2.1	Vừa làm vừa học																
3.2.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng																
3.2.3	Đào tạo vừa làm vừa học ưu tiên người																

Cơ sở đào tạo cam kết tính trung thực, chính xác của số liệu Báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019 đã khai báo và chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Nếu sai chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

